TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lẫy

Ông Vũ Văn Hoá

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ H khu M, phường T, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Anh T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số C tổ dân phố số B (tổ dân phố số M cũ), phường T, quận K, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, chị và anh Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường T, quận K, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, mặt khác, do anh T chơi bời nợ nần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên là Trần An K, sinh ngày 30/4/2021. Khi ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020, anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H vào ngày 21/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường T, quận K, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, một phần do anh đầu tư chứng khoán thua lỗ nợ nần. Từ tháng 02/2022, chị T và con về nhà ngoại ở tại phường T, thành phố H, tỉnh Q, anh chị sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên là Trần An K, sinh ngày 30/4/2021. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh và chị T tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Trần Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên toà theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T có một con chung là Trần An K, sinh ngày 30/4/2021. Giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là anh Trần Anh T có nơi cư trú tại số C tổ dân phố số B (tổ dân phố số M cũ), phường T, quận K, thành phố H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố H vào ngày 21/12/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T hoà thuận được thời gian đầu đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác do anh T nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không đạt kết quả mà ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02 năm 2022 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Trần Anh T.

[5]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T có một con chung tên là Trần An K, sinh ngày 30/4/2021. Ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, anh T cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp

nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Mặt khác, con dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao con Trần An K cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T có một con chung tên là Trần An K, sinh ngày 30/4/2021. Giao con Trần An K cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003815 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận K, thành phố H;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, thành phố H, (ĐKKH số 58 đk ngày 21/12/2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hải Hà